VNUHCM Journal of Economics, Business and Law 2026, 10(1):6316-6324

Bài nghiên cứu

Open Access Full Text Article

Kiểm toán thuế dựa trên rủi ro: Bằng chứng về sự phù hợp, hữu hiệu và hiệu quả

Nguyễn Thị Thu Hiền, Đặng Anh Tuấn*

Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Kiểm toán thuế trong khu vực công đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của cơ quan thuế thông qua quản lý thuế dựa trên đánh giá rủi ro người nộp thuế. Dữ liệu thuế thường có quy mô lớn và phức tạp, khiến các hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm toán truyền thống kém hiệu quả trong ngăn ngừa hoặc giảm thiểu gian lận thuế. Việc áp dụng tiếp cận kiểm tra, kiểm toán thuế dựa trên đánh giá rủi ro được xem là giải pháp tối ưu, phù hợp với xu hướng chuyển dịch từ quản lý mang tính cưỡng chế sang khuyến khích tuân thủ thuế tự nguyện. Mục tiêu nghiên cứu nhằm đánh giá sự phù hợp, hữu hiệu và hiệu quả đối với hoạt động kiểm tra thuế dựa trên rủi ro của cơ quan thuế. Dữ liệu nghiên cứu là kết quả kiểm tra thuế, kiểm toán thuế giai đoạn từ 2022-2024 và các báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước. Chiến lược phân tích được sử dụng trong nghiên cứu là phân tích quy nạp – kiểm chứng tam giác đạc. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, việc lựa chọn người nộp thuế dựa trên đánh giá rủi ro của cơ quan thuế chưa phù hợp với rủi ro thực của người nộp thuế. Kết quả kiểm tra thuế của cơ quan thuế cũng chưa đáp ứng được yêu cầu (sự hữu hiệu) và hiệu quả còn thấp. Điều này chỉ ra rằng, cần tiếp tục cải cách mạnh mẽ hệ thống đánh giá rủi ro thuế trên cơ sở tích hợp các dữ liệu liên ngành, đa chiều, giảm thiểu việc lựa chọn người nộp thuế để kiểm tra dựa trên hạn mức theo năm cùng với việc thiết lập cơ chế kiểm toán phản hồi độc lập sẽ góp phần nâng cao sự phù hợp, hữu hiệu và hiệu quả trong hoạt động quản lý thuế, đảm bảo sự minh bạch và công bằng trong hệ thống thuế.

Từ khoá: Tuân thủ thuế, Đánh giá rủi ro, Gian lận thuế, Kiểm toán

Viện Tài chính-Kế toán, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Liên hệ

Đặng Anh Tuấn, Viện Tài chính-Kế toán, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Email: anhtuancpa@gmail.com

Lịch sử

- Ngày nhận: 03-02-2025
- Ngày sửa đổi: 02-06-2025
- Ngày chấp nhận: 13-10-2025
- Ngày đăng: 04-02-2026

DOI :

https://doi.org/10.32508/stdjelm.v10i1.1564

Check for updates

Bản quyền

© Tạp chí ĐHQG-HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution4.0 International license.

GIỚI THIỆU

Trong những năm gần đây, nhiều quốc gia đã chuyển dịch mô hình quản lý thuế từ tiếp cận hành chính sang tiếp cận dựa trên rủi ro nhằm tối ưu hóa nguồn lực và tăng cường tuân thủ thuế tự nguyện[1]. Theo OECD[2], quản lý rủi ro tuân thủ là một phần trọng yếu trong cải cách hành chính thuế, nơi mà việc lựa chọn đối tượng kiểm tra, thanh tra thuế dựa trên cơ sở dữ liệu và mô hình phân tích tiên đoán thay vì kinh nghiệm thuần túy.

Các nghiên cứu gần đây[3] đã nhấn mạnh vai trò của khai phá dữ liệu (data mining) trong việc xây dựng hệ thống đánh giá rủi ro thuế, đặc biệt với sự kết hợp của các phương pháp tham số (logistic regression) và phi tham số (decision tree, clustering, neural networks). Việc lựa chọn người nộp thuế có rủi ro cao để kiểm tra đã được chứng minh là cải thiện tỷ lệ phát hiện vi phạm và giảm chi phí kiểm tra thuế[4]. Mặc dù vậy, vẫn còn thiếu các nghiên cứu đánh giá độc lập mức độ phù hợp, hữu hiệu và hiệu quả trong việc xây dựng và thực hiện chiến lược quản lý thuế dựa trên rủi ro.

Trong khu vực công, kiểm toán thuế, không chỉ dừng lại ở việc xác minh tính chính xác của thông tin thuế mà còn đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật thuế của các bên liên quan, bao gồm người nộp thuế, cơ quan quản lý thuế, cũng như tác động của chính sách thuế đến nền kinh tế và các mối quan hệ đa chiều trong xã hội. Mục tiêu chính của kiểm toán thuế là đưa ra các đánh giá, xác nhận, kết luận và kiến nghị về (i) độ tin cậy trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế và (ii) sự phù hợp, hữu hiệu và hiệu quả trong quản lý thuế của cơ quan thuế khi xây dựng và thực thi chính sách. Tại Việt Nam, kiểm toán thuế là nhiệm vụ thường niên trong các cuộc kiểm toán doanh nghiệp nhà nước và kiểm toán ngân sách các cấp do Kiểm toán nhà nước (KTNN) thực hiện, nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế. Đối tượng trực tiếp của kiểm toán thuế là các cơ quan thuế từ trung ương đến địa phương, bao gồm cả cơ quan hải quan. Trong quá trình kiểm toán, nếu phát hiện dấu hiệu gian lận hoặc vi phạm pháp luật thuế, kiểm toán viên có trách nhiệm kiểm toán hoặc đối chiếu hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành thanh tra thuế. Tuy nhiên, hiện nay KTNN chưa áp dụng phương pháp lựa chọn đối tượng kiểm toán thuế dựa trên đánh giá rủi ro như thông lệ quốc tế[1]. Việc lựa

Trích dẫn bài báo này: Thu Hiền N T, Anh Tuấn D. **Kiểm toán thuế dựa trên rủi ro: Bằng chứng về sự phù hợp, hữu hiệu và hiệu quả**. *VNUHCM J. Econ. Bus. Law.* 2026; 10(1):6316-6324.

chọn đối tượng kiểm toán thuế chủ yếu dựa vào kinh nghiệm chủ quan của kiểm toán viên hoặc thông tin thu thập được trong quá trình kiểm toán, dẫn đến thiếu tính hệ thống và khoa học. Kết quả kiểm toán chỉ dừng lại trong việc chỉ ra một số người nộp thuế (i) khai thiếu thuế, khai sai thuế; (ii) người nộp thuế có dấu hiệu tránh thuế, trốn thuế; (iii) cung cấp đánh giá về việc cơ quan thuế quản lý thuế của người nộp thuế chưa đầy đủ, chưa bao quát hết nguồn thu và (iv) việc chọn người nộp thuế để kiểm tra thuế chưa đầy đủ. Liên quan đến hoạt động kiểm tra thuế của cơ quan thuế, kết quả kiểm toán của KTNN cũng chưa đánh giá được toàn diện và đầy đủ liệu việc lựa chọn đối tượng kiểm tra thuế của cơ quan thuế có phù hợp, hữu hiệu và kết quả kiểm tra thuế của cơ quan thuế có đạt hiệu quả.

Điều này làm nổi bật yêu cầu cấp thiết về *phương pháp luận* và *công cụ phân tích rủi ro* để đánh giá tuân thủ thuế dựa trên dữ liệu quản lý của cơ quan thuế, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý và thúc đẩy tuân thủ tự nguyện. Theo đó, nghiên cứu này kế thừa các khung đánh giá rủi ro của OECD, kết hợp phương pháp luận tiếp cận kiểm toán dựa trên rủi ro để cung cấp phương pháp luận đánh giá sự phù hợp, hữu hiệu và hiệu quả trong hoạt động kiểm tra của cơ quan thuế thông qua trả lời hai câu hỏi nghiên cứu sau:

- Số lượng người nộp thuế được đánh giá rủi ro và xếp hạng có đầy đủ, được cập nhật kịp thời phục vụ công tác lựa chọn và kiểm tra thuế hay không (sự phù hợp)?

- Người nộp thuế được cơ quan thuế lựa chọn kiểm tra thuế có mức độ rủi ro cao, theo đúng thứ tự ưu tiên trong chiến lược quản lý thuế dựa trên rủi ro (hữu hiệu và hiệu quả)?

Để trả lời được hai câu hỏi nghiên cứu trên, chúng tôi sử dụng phương pháp định tính kết hợp phân tích quy nạp và kiểm chứng tam giác đạc nhằm đối chiếu dữ liệu từ chính sách thuế, kết quả kiểm tra thuế và kết quả kiểm toán thuế. Phân tích được tiến hành để đánh giá mức độ đầy đủ, cập nhật của hệ thống xếp hạng rủi ro cũng như mức độ ưu tiên, hữu hiệu và hiệu quả trong việc lựa chọn người nộp thuế kiểm tra.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT

Quản lý thuế dựa trên đánh giá rủi ro hiện được nhiều cơ quan thuế tại các quốc gia trên thế giới áp dụng như một chiến lược cải cách nhằm tăng cường tính tuân thủ và hiệu quả quản lý thuế. Theo OECD[5], quản lý thuế dựa trên đánh giá rủi ro được định nghĩa là quá trình sử dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro để xác định, đánh giá, phân loại và ưu tiên các đối tượng, hành vi hoặc khoản thuế có khả năng gây rủi ro cao cho hệ thống thuế, từ đó phân bổ nguồn lực kiểm tra, thanh tra và quản lý thuế một cách hiệu quả. Phương pháp này ưu tiên kiểm tra đối với người nộp thuế có rủi ro cao, thay vì tiếp cận ngẫu nhiên hay dàn trải. Theo OECD[2,4], việc áp dụng mô hình quản lý rủi ro tuân thủ giúp cơ quan thuế chuyển từ tư duy cưỡng chế sang khuyến khích tuân thủ tự nguyện, đồng thời nâng cao hiệu quả giám sát. Trọng tâm của phương pháp này nằm ở các công cụ lựa chọn đối tượng kiểm tra thuế như (i) sàng lọc đối tượng nộp thuế dựa trên đặc điểm (quy mô, ngành nghề, lịch sử tuân thủ thuế); (ii) chọn mẫu ngẫu nhiên và (iii) lựa chọn người nộp thuế dựa trên đánh giá và xếp hạng rủi ro thuế[3]. Hiện nay, phần lớn cơ quan thuế trên thế giới để đã chuyển sang áp dụng một phần hoặc toàn bộ phương pháp lựa chọn người nộp thuế dựa trên đánh giá rủi ro. Mỗi đối tượng nộp thuế được gán một điểm số rủi ro dựa trên hai yếu tố chính (a) thuộc tính người nộp thuế (quy mô, ngành nghề, lịch sử tuân thủ thuế) và (b) lịch sử tuân thủ thuế[6,7]. Những kỹ thuật này cho phép cơ quan thuế xây dựng cùng lúc nhiều "hồ sơ thuế" của người nộp thuế và do đó có thể xác định những người nộp thuế có khả năng không tuân thủ thuế cao nhất. Một vài cơ quan thuế đã phát triển các chương trình lựa chọn người nộp thuế để kiểm tra thuế dựa trên cách xếp hạng rủi ro tương tự như trong lĩnh vực xếp hạng tín dụng trong lĩnh vực ngân hàng hoặc bảo hiểm[1]. Mặc dù được thừa nhận và áp dụng phổ biến trên phạm vi toàn cầu với những lợi ích không thể phủ nhận như tối ưu hóa nguồn lực bằng cách tập trung vào nhóm rủi ro cao và xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê tin cậy, hỗ trợ phân tích dài hạn[4]. Tuy nhiên, chiến lược quản lý thuế dựa trên rủi ro cũng đối mặt với những thách thức nhất định như (i) rủi ro công nghệ, (ii) rủi ro dữ liệu, (iii) năng lực và trình độ cơ quan thuế và (iv) kết nối, chia sẻ và bảo mật dữ liệu.

Một số nghiên cứu tiếp cận từ góc nhìn thể chế, như Belnap và cộng sự[8] và Irawan & Utama[9], tập trung đánh giá tác động từ hoạt động kiểm tra thuế đến hành vi trốn thuế của người nộp thuế. Belnap và cộng sự[8] nhận thấy kiểm tra thuế có thể làm tăng xác suất giải thể doanh nghiệp nhỏ có vi phạm pháp luật thuế, trong khi Irawan & Utama[9] kết luận rằng cảm nhận về hậu quả trừng phạt như tội phạm tham nhũng có ảnh hưởng mạnh đến quyết định tuân thủ thuế hơn là tần suất kiểm tra thuế. Những kết quả này gợi ý rằng, hiệu quả kiểm tra thuế không chỉ phụ thuộc vào dữ liệu, công cụ phân tích, mà còn liên quan đến khả năng lựa chọn đúng đối tượng có rủi ro thuế cao và đảm bảo công bằng trong kiểm tra. Ngoài ra, nhiều nghiên cứu đề xuất khung quản trị rủi ro tuân thủ thuế như Dejlani và cộng sự[10] và OECD[2], đã phát triển các mô hình phân tầng người nộp thuế, kết hợp phân tích định tính và quy trình phân loại theo ngành nghề, sắc thuế, cấu trúc kinh doanh. Tuy nhiên, hầu hết các

khung lý thuyết này mới dừng ở mức mô tả, thiếu kiểm chứng sự phù hợp, hữu hiệu, và hiệu quả trong việc quản lý rủi ro người nộp thuế [11].

Trong bối cảnh phát triển kinh tế số và xã hội số, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, việc kiểm tra thuế dựa trên đánh giá rủi ro thông qua việc ứng dụng công nghệ cao như phân tích dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, học máy hoặc khai thác dữ liệu mạng lưới góp phần đáng kể vào việc nâng cao hiệu quả phát hiện gian lận, tối ưu hóa nguồn lực kiểm tra thuế, và tăng cường tuân thủ thuế tự nguyện. Nghiên cứu của Rahayu [12] chỉ ra cơ quan thuế Indonesia đã phát triển ứng dụng như Compliance Risk Management (CRM) và Analytics để phân tích hành vi người nộp thuế. Alsadhan [13] đề xuất khung khái niệm phát hiện gian lận thuế gồm 4 mô-đun như học máy giám sát (XGBoost) để chọn lọc các nhóm đặc trưng, học máy không giám sát (autoencoder) để phát hiện bất thường, mô-đun hành vi (chấm điểm tuân thủ), và mô-đun dự đoán gian lận thuế tổng hợp. Đặc biệt, mô hình tích hợp nhiều mô-đun (gồm giám sát, không giám sát và phân tích hành vi tuân thủ) được Alsadhan [13] phát triển cho thấy khả năng phân loại chính xác cao, có thể báo chính xác mức độ gần 75% và phát hiện gian lận thuế ngay cả đối với người nộp thuế được phân loại vào nhóm tuân thủ thuế cao. Kết quả này gợi mở tiềm năng đáng kể trong việc cải thiện tính hữu hiệu trong hoạt động kiểm tra thuế của cơ quan thuế. Một số nghiên cứu ứng dụng học máy không giám sát như De Roux và cộng sự [14] và Gupta & Nagadevara [3] đã áp dụng phân cụm, cây quyết định và ước lượng mật độ để phát hiện các khai báo bất thường trong tờ khai thuế. Những phương pháp này đặc biệt hữu ích trong bối cảnh dữ liệu chưa được gán nhãn, giúp phát hiện ra các hành vi không tuân thủ tiềm ẩn. Baghdasaryan và cộng sự [15] đã phát triển phương pháp khai thác dữ liệu mạng lưới và lịch sử giao dịch giữa doanh nghiệp với đối tác có thể giúp phát hiện người nộp thuế có rủi ro gian lận thuế hiệu quả. Việc ứng dụng các phương pháp và công cụ này hữu ích trong việc xác định chính xác hơn phạm vi cần kiểm tra thuế cho hầu hết người nộp thuế. Tuy nhiên, kết quả dự đoán của các mô hình trên còn khác biệt, chưa nhất quán, hơn nữa cũng không đủ dữ liệu thực của người nộp thuế để chỉ ra liệu có sai sót hoặc gian lận nào chưa được phát hiện hay không. Do đó, cần có phương pháp luận có tính hệ thống nhằm đánh giá toàn diện quá trình lựa chọn đối tượng kiểm tra thuế từ đầu vào (rủi ro) đến đầu ra (hiệu quả kiểm tra thuế). Theo đó, nghiên cứu này tiếp cận khoảng trống trên bằng cách đề xuất một khung phân tích kiểm toán thuế dựa trên đánh giá rủi ro (Hình 1), nhằm kiểm định ba khía cạnh chính (i) mức độ phù hợp đối tượng kiểm tra thuế được cơ quan thuế lựa chọn dựa trên phân tích rủi ro và kết quả kiểm toán thuế của KTNN trên cùng bộ hồ sơ khai thuế; (ii) khả năng đạt được mục tiêu kiểm tra thuế (hữu hiệu) và (iii) việc bỏ sót sai phạm thuế (hiệu quả phát hiện vi phạm thuế của cơ quan thuế thông kết quả kiểm tra thuế). Khung phân tích này kế thừa các nguyên tắc quản lý thuế dựa trên rủi ro theo OECD [2]. Nghiên cứu không chỉ có ý nghĩa học thuật trong việc hoàn thiện lý luận kiểm toán thuế dựa trên đánh giá rủi ro mà còn cung cấp công cụ hữu ích cho kiểm toán viên nhà nước trong việc thiết kế chương trình kiểm toán hữu hiệu.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu định tính được thực hiện nhằm làm rõ cách thức triển khai kiểm toán thuế dựa trên đánh giá rủi ro từ góc nhìn thực tiễn, thông qua việc tìm hiểu phương pháp và cách thức tiếp cận kiểm toán thuế của các kiểm toán viên nhà nước liên quan đến hoạt động kiểm tra thuế trong hệ thống quản lý thuế hiện hành. Đồng thời, nghiên cứu cũng tìm hiểu mức độ cập nhật và đầy đủ của hệ thống xếp hạng rủi ro, dựa trên nhận định của kiểm toán viên nhà nước và đánh giá từ báo cáo kiểm toán.

Chiến lược phân tích quy nạp – kiểm chứng tam giác đạc (inductive analysis – triangulation validation) là phương pháp phân tích học thuật nhằm gia tăng độ tin cậy và tính chính xác của kết quả nghiên cứu bằng cách kết hợp nhiều nguồn dữ liệu, phương pháp hoặc góc nhìn khác nhau để kiểm chứng chéo một vấn đề nghiên cứu [16,17]. Phân tích quy nạp được tiến hành liên tục trong quá trình nghiên cứu, với mục tiêu rút gọn dữ liệu thành các dạng thức khái quát, dễ hiểu, gắn với từng câu hỏi nghiên cứu. Kiểm chứng tam giác đạc (triangulation validation) được hiểu là việc sử dụng ít nhất ba loại nguồn thông tin hoặc phương pháp phân tích khác nhau để kiểm chứng cùng một hiện tượng, nhằm giảm thiểu sai lệch do phương pháp, người tham gia hoặc bối cảnh [16]. Áp dụng kết hợp cả hai phương pháp này giúp nghiên cứu đạt được độ sâu phân tích cao, nâng cao sự vững chắc của phát hiện và tăng khả năng khái quát hóa kết quả. Quy trình phân tích dữ liệu bao gồm ba bước:

- Rút gọn dữ liệu (data reduction): lựa chọn những nội dung liên quan trực tiếp đến mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu, loại bỏ thông tin không cần thiết.
- Trình bày dữ liệu (data display): tổng hợp, mô tả và hệ thống hóa thông tin theo các chủ đề lớn: mức độ phù hợp trong lựa chọn đối tượng kiểm tra thuế; mức độ đầy đủ và cập nhật hệ thống xếp hạng rủi ro; mức độ hữu hiệu và hiệu quả trong việc kiểm tra thuế.
- Kết luận (conclusion drawing): đưa ra các nhận định, khuyến nghị thực tiễn gắn với khung phân tích đề xuất trong nghiên cứu (Hình 1), làm cơ sở trả lời

hai câu hỏi nghiên cứu và đề xuất cải tiến quy trình lựa chọn đối tượng kiểm tra thuế tiếp cận dựa trên phân tích rủi ro.

Phương pháp nghiên cứu được kế thừa từ nghiên cứu của Rahayu[8]. Để cung cấp bằng chứng đánh giá về sự phù hợp, hữu hiệu và hiệu quả hoạt động kiểm tra thuế dựa trên rủi ro của cơ quan thuế, chúng tôi tiến hành phân tích và đối sánh dữ liệu kết quả kiểm tra thuế và kết quả kiểm toán thuế giai đoạn 2022-2024. Đây là giai đoạn có sự thay đổi chính sách quản lý thuế dựa trên rủi ro của cơ quan thuế và thay đổi trong kiểm toán để đánh giá trách nhiệm quản lý thuế của cơ quan thuế của KTNN. Tiếp đến, chúng tôi phân tích sự khác biệt giữa hồ sơ kê khai thuế của người nộp thuế đã được cơ quan thuế kiểm tra và kết quả kiểm toán thuế (kiểm toán lại) các hồ sơ đã được cơ quan thuế kiểm tra và kết quả kiểm toán thuế đối với các hồ sơ chưa được cơ quan thuế kiểm tra.

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ báo cáo kết quả kiểm tra thuế của cơ quan thuế, kết quả kiểm toán thuế của KTNN và hồ sơ kê khai thuế của người nộp thuế, tập trung trong giai đoạn 2022–2024. Tổng số mẫu phân tích gồm 90 biên bản kiểm tra thuế, 03 báo cáo kiểm toán của KTNN, và hồ sơ khai thuế được chọn thuận tiện từ danh sách kiểm tra thuế của cơ quan thuế dựa trên tiêu chí liên quan trực tiếp đến hai câu hỏi nghiên cứu. Việc thu thập và phân tích dữ liệu được thực hiện xuyên suốt giai đoạn nghiên cứu, đảm bảo tính cập nhật và toàn diện.

Để đảm bảo độ tin cậy của dữ liệu, nghiên cứu sử dụng kỹ thuật kiểm chứng tam giác đạc (triangulation) thông qua đối chiếu dữ liệu giữa (i) chính sách thuế của cơ quan thuế (quy trình đánh giá rủi ro người nộp thuế) với (ii) kết quả kiểm tra thuế của cơ quan thuế (biên bản kiểm tra thuế, báo cáo của cơ quan thuế) và (iii) kết quả kiểm toán thuế của KTNN (Biên bản kiểm toán, báo cáo kiểm toán của KTNN).

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Nghiên cứu này nhằm trả lời hai câu hỏi: (1) số lượng người nộp thuế được đánh giá rủi ro có đầy đủ, được cập nhật kịp thời phục vụ công tác lựa chọn và kiểm tra thuế hay không (sự phù hợp)? và (2) người nộp thuế được cơ quan thuế lựa chọn kiểm tra trong năm có mức độ rủi ro cao, theo đúng thứ tự ưu tiên trong chiến lược quản lý thuế dựa trên rủi ro (hữu hiệu và hiệu quả)?

Phân tích dữ liệu từ hồ sơ kiểm tra thuế giai đoạn 2022- 2024 và các chính sách về kiểm tra thuế theo quy định Luật Quản lý thuế cho thấy (i) cơ quan thuế đã áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế và ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra thuế, thanh tra thuế; (ii) việc kiểm tra thuế, thanh tra thuế nhằm đánh giá tính đầy đủ, chính xác, trung thực nội dung các chứng từ, thông tin, hồ sơ mà người nộp thuế đã khai, nộp, xuất trình với cơ quan quản lý thuế; đánh giá việc tuân thủ pháp luật về thuế và quy định khác của pháp luật có liên quan của người nộp thuế để xử lý về thuế theo quy định của pháp luật; (iii) việc lựa chọn người nộp thuế để kiểm tra thuế căn cứ vào kết quả phân tích hồ sơ thuế theo mức độ rủi ro về thuế để đề xuất kế hoạch kiểm tra (quy định tại khoản 2 Điều 109 Luật Quản lý thuế).

Về sự phù hợp trong kiểm tra thuế dựa trên đánh giá rủi ro. Theo hướng dẫn của OECD[2], một hệ thống quản lý rủi ro hiệu quả cần đảm bảo rằng các cuộc kiểm tra được phân bổ hợp lý theo xác suất xảy ra hành vi không tuân thủ và mức độ nghiêm trọng của rủi ro. Do đó, sự phù hợp phản ánh mức độ mà cơ quan thuế lựa chọn đúng các đối tượng có rủi ro cao cần kiểm tra. Dữ liệu bình quân 3 năm (2022–2024) tại Bảng 1 cho thấy, cơ quan thuế thực hiện trung bình 68.524 cuộc kiểm tra mỗi năm, truy thu được bình quân 11.248 tỷ đồng, tương đương 0,6% tổng thu NSNN. Trong khi đó, KTNN thực hiện kiểm toán thuế với quy mô nhỏ hơn (trung bình 283 cuộc/năm), phát hiện thêm số thuế truy thu xấp xỉ 30% kết quả kiểm tra của cơ quan thuế. Kết quả này cho thấy khả năng hệ thống đánh giá rủi ro hiện hành của cơ quan thuế hoặc chưa thực sự xác định đúng các đối tượng rủi ro thuế cao, hoặc chưa cập nhật đủ dữ liệu để phản ánh đúng người nộp thuế không tuân thủ thuế.

Về sự hữu hiệu thể hiện qua khả năng đạt được mục tiêu chính của hệ thống kiểm tra thuế dựa trên đánh giá rủi ro người nộp thuế– cụ thể là phát hiện và xử lý đúng các hành vi gian lận, vi phạm nghĩa vụ thuế. Số liệu cho thấy, mỗi cuộc kiểm tra thuế của cơ quan thuế phát hiện trung bình khoảng 0,164 tỷ đồng vi phạm thuế (tỷ lệ phát hiện trung bình 0,6% so với tổng số thuế người nộp thuế đã kê khai), trong khi trung bình mỗi cuộc kiểm toán thuế, KTNN kiến nghị tăng thu 11,5 tỷ đồng (tỷ lệ phát hiện tăng thêm so với tỷ lệ phát hiện của cơ quan thuế bình quân là 0,18%). Việc KTNN vẫn có thể phát hiện bổ sung gần 30% số thuế vi phạm sau khi hồ sơ đã được cơ quan thuế kiểm tra cho thấy mức độ hữu hiệu của kiểm tra ban đầu chưa đạt yêu cầu, và hệ thống kiểm tra chưa hình thành được khả năng tự kiểm soát rủi ro đủ mạnh như kỳ vọng.

Tính hiệu quả trong kiểm tra thuế phản ánh mối quan hệ giữa quy mô nguồn lực triển khai (số lượng cuộc kiểm tra) và kết quả đầu ra đạt được (giá trị thuế kiến nghị truy thu). Trong giai đoạn 2022–2024, mặc dù cơ quan thuế triển khai trung bình tới 68.524 cuộc

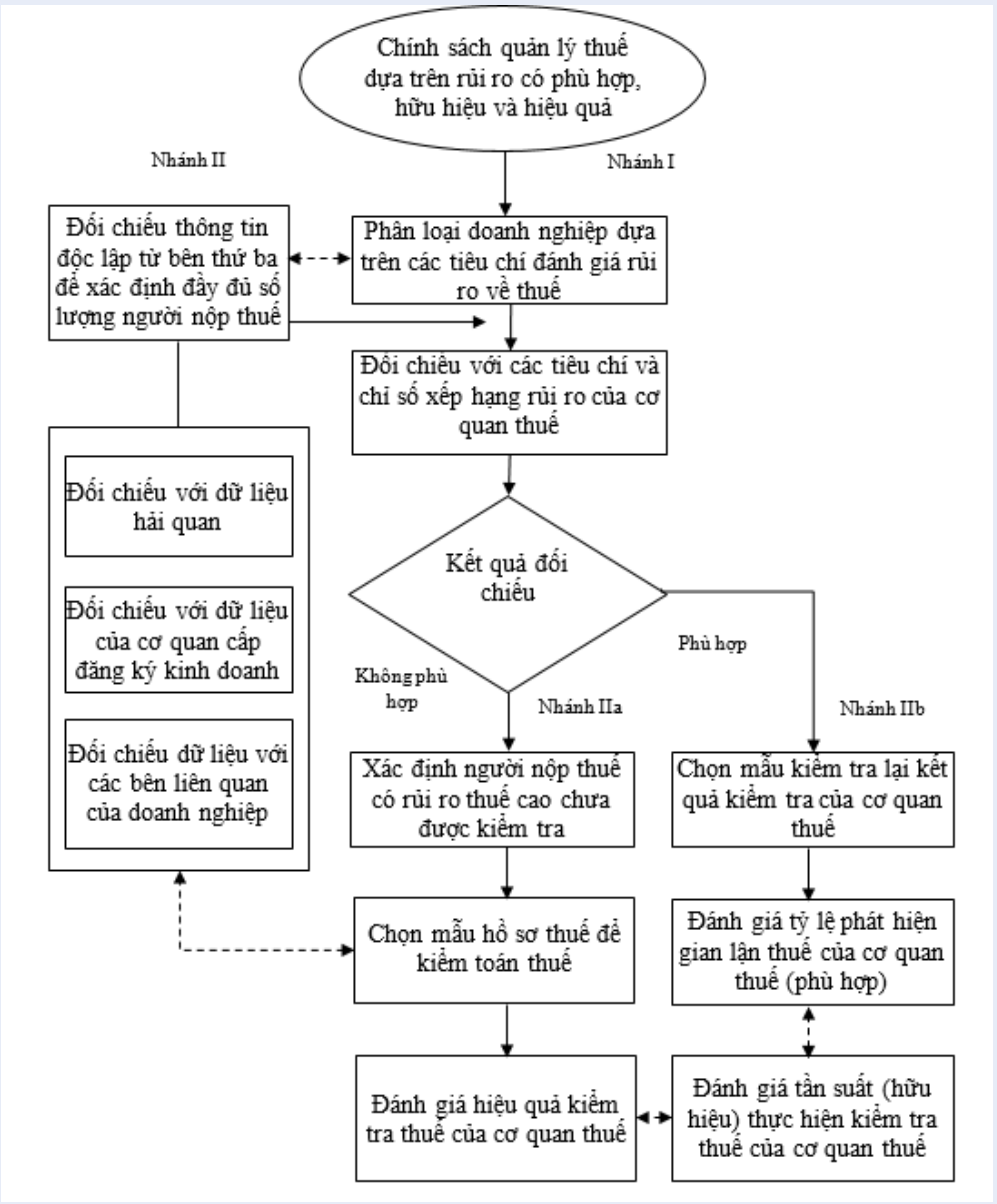

Hình 1: Khung phân tích kiểm toán thuế dựa trên đánh giá rủi ro quản lý thuế. Nguồn: Tổng hợp tác giả

kiểm tra mỗi năm, nhưng tổng số thuế kiến nghị truy thu thuế bình quân hàng năm chỉ đạt 11.248 tỷ đồng, tương đương khoảng 0,164 tỷ đồng mỗi cuộc. Con số này cho thấy hiệu quả phát hiện vi phạm trong từng cuộc kiểm tra tương đối thấp, đặc biệt trong bối cảnh rủi ro thất thu thuế ngày càng diễn biến phức tạp, với nhiều hình thức gian lận như chuyển giá, giao dịch liên kết, thương mại điện tử xuyên biên giới.

Xét trên tổng thể, tỷ lệ thuế kiến nghị truy thu từ hoạt động kiểm tra thuế của cơ quan thuế chỉ chiếm khoảng 0,6% so với tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) mỗi năm. Mặc dù có xu hướng tăng nhẹ qua từng năm, nhưng tỷ lệ này vẫn phản ánh mức đóng góp còn hạn chế của công tác kiểm tra thuế đối với hiệu quả thu NSNN, đặc biệt khi so sánh với tiềm năng truy thu từ các lĩnh vực có rủi ro cao. So với kết quả kiểm toán của KTNN trong cùng giai đoạn, mặc dù số lượng cuộc kiểm toán thấp hơn nhiều so với số cuộc kiểm tra của cơ quan thuế, nhưng hiệu quả phát hiện trên mỗi cuộc kiểm toán vẫn cao hơn. Trung bình mỗi cuộc kiểm toán phát hiện khoảng 11,54 tỷ đồng sai phạm về thuế cao hơn nhiều lần so với kết quả kiểm tra thuế. Điều này chỉ ra rằng cách thức lựa chọn người nộp thuế để kiểm tra, phương pháp và

Bảng 1: Kết quả kiểm tra và kiểm toán thuế giai đoạn2022-2024

Chỉ tiêu	2022	2023	2024*	Bình quân
Số cuộc kiểm tra thuế (cơ quan thuế)	71.412	71.732	62.428	68.524
Số thuế cơ quan thuế kiến nghị truy thu (tỷ đồng)	9.737	10.696	13.312	11.248
Số cuộc kiểm toán thuế của KTNN	260	330	260	283,3
Số thuế KTNN kiến nghị tăng thu NSNN (tỷ đồng)	3.070	4.099	2.637	3.269
Tỷ lệ bổ sung KTNN/CQ Thuế (%)	31,5%	38,3%	19,8%	29,9%
Tổng thu NSNN (tỷ đồng)	1.820.310	1.752.500	2.037.500	1.870.103
Tỷ lệ phát hiện qua kiểm tra thuế/Tổng thu NSNN (%)	0,535%	0,610%	0,653%	0,599%
Tỷ lệ phát hiện qua kiểm toán/Tổng thu NSNN (%)	0,169%	0,234%	0,129%	0,177%

(*) Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả kiểm tra thuế năm 2024 của cơ quan thuế ước tính từ kết quả kiểm tra 6 tháng đầu năm; số liệu Tổng thu NSNN lấy theo số ước tínhcủa Bộ Tài chính; số liệu cuộc kiểm toán thuế của KTNN được tính toán dựa trên số lượng các cuộc kiểm toán NSĐP hàng năm. Trung bình một cuộc kiểm toán NSĐP hàng năm sẽ thực hiện khoảng 10 cơ quan thuế.

chất lượng kiểm tra thuế chưa đạt được hiệu quả kỳ vọng. Việc duy trì số lượng kiểm tra lớn nhưng hiệu quả thấp cho thấy cần có sự chuyển hướng chiến lược từ kiểm tra dàn trải sang kiểm tra có trọng điểm dựa trên mô hình phân tích rủi ro. Đồng thời, cần xem xét bổ sung các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kiểm tra không chỉ dừng ở số lượng, mà phải tính đến giá trị phát hiện trên mỗi cuộc, mức đóng góp vào ngân sách, và khả năng kiểm soát các rủi ro thuế trọng yếu.

Để đảm bảo độ tin cậy từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả cũng chọn mẫu tiến hành phân tích 06 báo cáo kiểm toán của KTNN để kiểm định lại kết quả phân tích từ Bảng 1 và xác định nguyên nhân hạn chế trong quản lý thuế dựa trên đánh giá rủi ro của cơ quan thuế. Dữ liệu tổng hợp từ trong 6 cuộc kiểm toán do KTNN thực hiện cho thấy quá trình lựa chọn người nộp thuế chưa hoàn toàn dựa vào mức độ rủi ro được đánh giá bởi hệ thống quản lý rủi ro của cơ quan thuế. Trong tổng số 90 người nộp thuế được cơ quan thuế kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế, có 14% hồ sơ không nằm trong nhóm có điểm rủi ro cao theo chương trình phân tích rủi ro nhưng vẫn được lựa chọn kiểm tra. Ngược lại, khoảng 18,2% các trường hợp có điểm rủi ro cao lại không xuất hiện trong danh sách kiểm tra của cơ quan thuế trong cùng kỳ. Đồng thời, kết quả phân tích tài liệu cũng cho thấy hệ thống đánh giá và xếp hạng rủi ro hiện hành của cơ quan thuế đang thiên về tiếp cận hành chính và theo đuổi chỉ tiêu số lượng, thay vì hoàn toàn dựa trên đánh giá rủi ro. Mặc dù Tổng cục Thuế đã triển khai hệ thống quản lý rủi ro và phần mềm chấm điểm người nộp thuế, nhưng trên thực tế, các quyết định lựa chọn vẫn còn phụ thuộc vào kế hoạch định hướng sẵn, hạn mức kiểm tra theo năm, và sự phán đoán chủ quan của cán bộ quản lý, dẫn đến tình trạng kiểm tra dàn trải, không hiệu quả. Hơn nữa, hệ thống chấm điểm rủi ro chưa được xây dựng trên nền tảng dữ liệu đa chiều và cập nhật liên tục. Các chỉ số rủi ro chủ yếu dựa vào dữ liệu nội ngành, như hồ sơ kê khai thuế, lịch sử nộp thuế, mà chưa khai thác đầy đủ dữ liệu từ các nguồn như ngân hàng, hải quan, đăng ký kinh doanh, hóa đơn điện tử, hoặc dữ liệu lớn (big data) từ thương mại điện tử. Sự thiếu liên thông và tích hợp dữ liệu này làm cho việc đánh giá rủi ro trở nên thiếu chính xác, khó phản ánh đúng bản chất và quy mô vi phạm tiềm ẩn. Ngoài ra, năng lực kiểm tra tại nhiều cục thuế địa phương còn hạn chế, cả về nhân lực chuyên sâu và công cụ phân tích. Một số lĩnh vực rủi ro cao như giao dịch liên kết, giá chuyển nhượng, hay doanh nghiệp FDI đòi hỏi kỹ năng điều tra phức tạp và kỹ thuật kiểm tra chuyên biệt, trong khi phần lớn đội ngũ kiểm tra thuế hiện vẫn tập trung vào các sai sót hành chính nhỏ, dễ phát hiện. Điều này dẫn đến tình trạng nguồn lực kiểm tra bị phân tán cho các trường hợp ít rủi ro, trong khi các đối tượng trọng điểm không được xử lý hiệu quả (Bảng 2).

Kết quả này phù hợp với nhận định của Rahayu [8], khi cho rằng tại nhiều quốc gia đang phát triển, hệ thống phân tích rủi ro thường hoạt động không hiệu quả do thiếu cập nhật dữ liệu, chưa chuẩn hóa chỉ số và phụ thuộc lớn vào kinh nghiệm chủ quan của cán bộ. Tương tự, nghiên cứu của Baghdasaryan và cộng sự [11] chỉ ra rằng việc tích hợp dữ liệu mạng lưới và thông tin bên ngoài có thể cải thiện rõ rệt độ chính xác trong xếp hạng rủi ro, song điều kiện này chưa được đáp ứng đầy đủ trong thực tế triển khai ở Việt Nam.

Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng sự phù hợp trong lựa chọn đối tượng kiểm tra thuế vẫn còn là điểm yếu trong hệ thống quản lý thuế dựa trên rủi ro ở Việt Nam. Việc đánh giá chưa đúng đối tượng, bỏ

Bảng 2: Tổng hợp kết quả đánh giá sự phù hợp, hữu hiệu và hiệu quả quản lý thuế

Tiêu chí đánh giá	Kết quả đánh giá	Phát hiện
Tính phù hợp	- Cơ quan thuế kiểm tra trung bình 68.524 cuộc/năm, số thuế truy thu bình quân 11.248 tỷ đồng (0,6% NSNN). - KTNN kiểm toán thuế đối với hồ sơ đã được cơ quan thuế kiểm tra, phát hiện thêm 30% số thuế vi phạm đã bỏ sót.	Hệ thống quản lý thuế dựa trên rủi ro chưa lựa chọn đúng và đầy đủ đối tượng rủi ro cao. Dữ liệu chưa tích hợp và phân tích còn hạn chế.
Tính hữu hiệu	- Mỗi cuộc kiểm tra phát hiện trung bình 0,164 tỷ đồng. - Mỗi cuộc kiểm toán của KTNN phát hiện trung bình gần 11,5 tỷ đồng.	Năng lực phát hiện rủi ro thuế còn yếu. Hệ thống kiểm tra chưa tự kiểm soát, chưa đáp ứng kỳ vọng phòng ngừa.
Tính hiệu quả	- Kiểm tra dàn trải, số lượng lớn nhưng hiệu quả thấp (0,6% NSNN). - Phân bổ nguồn lực chưa tối ưu, dẫn đến chi phí kiểm tra cao, kết quả thấp.	Cần tái cơ cấu từ kiểm tra đại trà sang kiểm tra trọng điểm theo rủi ro, gắn hiệu quả với hiệu suất đầu ra.

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo thanh tra, kiểm tra thuế của cơ quan thuế và từ báo cáo kiểm toán của KTNN.

sót các nhóm có rủi ro cao, trong khi kiểm tra dàn trải ở các nhóm ít rủi ro, không chỉ làm giảm hiệu quả thu ngân sách mà còn gây lãng phí nguồn lực và làm suy giảm lòng tin của người nộp thuế tuân thủ. Đây cũng chính là một trong những lý do then chốt dẫn đến kiến nghị từ KTNN về việc hoàn thiện hệ thống đánh giá rủi ro, thiết lập quy trình lựa chọn khách quan và xây dựng cơ chế phản hồi hiệu quả sau kiểm tra thuế.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu này đã tiến hành đánh giá độc lập sự phù hợp, hữu hiệu và hiệu quả quy trình và thực tiễn hệ thống quản lý thuế dựa trên rủi ro của cơ quan thuế thông qua phân tích dữ liệu giai đoạn 2022- 2024 và kết quả kiểm toán công tác quản lý thuế của KTNN từ các báo cáo kiểm toán. Trên cơ sở khung phân tích kiểm toán thuế dựa trên đánh giá rủi ro được đề xuất, nghiên cứu đã làm rõ ba khía cạnh trọng yếu: (i) mức độ phù hợp giữa thứ tự rủi ro và danh sách lựa chọn thực tế; (ii) tính đầy đủ và cập nhật của hệ thống xếp hạng rủi ro; và (iii) mức độ bỏ sót sai phạm hoặc phân bổ nguồn lực chưa hiệu quả.

Dựa trên phân tích dữ liệu thực tế giai đoạn 2022–2024 và kết quả kiểm toán của KTNN cho thấy hệ thống kiểm tra thuế hiện hành chưa đạt được hiệu suất mong đợi trong việc phát hiện và xử lý rủi ro thuế. Tỷ lệ phát hiện sai phạm thuế từ cơ quan thuế chỉ chiếm bình quân 0,6% tổng thu NSNN, và giá trị phát hiện trên mỗi cuộc kiểm tra vẫn còn thấp (0,164 tỷ đồng/cuộc), đặc biệt khi so sánh với kết quả từ KTNN. Ngoài ra, việc kiểm toán của KTNN vẫn phát hiện bổ sung gần 30% số thuế vi phạm sau kiểm tra cho thấy hệ thống lựa chọn đối tượng kiểm tra của cơ quan thuế còn thiếu chính xác, chưa hoàn toàn dựa trên mô hình rủi ro khách quan, còn thiên về chỉ tiêu hành chính. Hệ thống đánh giá rủi ro còn nhiều hạn chế trong tích hợp dữ liệu đa chiều, chưa tận dụng tốt thông tin từ các cơ sở dữ liệu bên ngoài như ngân hàng, hải quan, thương mại điện tử. Kết quả phân tích hồ sơ thực tế và dữ liệu kiểm toán cũng cho thấy sự khác biệt đáng kể giữa thứ tự rủi ro được đánh giá và danh sách người nộp thuế được kiểm tra thực tế. Việc này không chỉ gây lãng phí nguồn lực kiểm tra mà còn ảnh hưởng đến tính công bằng và hiệu lực của hệ thống thuế, làm giảm niềm tin và mức độ tuân thủ tự nguyện của người nộp thuế.

Tóm lại, để thực hiện thành công quản lý thuế dựa trên rủi ro, Việt Nam cần tiếp tục cải cách mạnh mẽ hệ thống đánh giá rủi ro, chuyển từ kiểm tra hành chính sang kiểm tra có chọn lọc, tăng cường năng lực phân tích, tích hợp dữ liệu liên ngành và thiết lập cơ chế kiểm toán phản hồi độc lập, qua đó nâng cao hiệu quả, minh bạch và công bằng trong hệ thống thuế.

ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU TRONG TƯƠNG LAI

Nghiên cứu tích hợp dữ liệu đa chiều từ các nguồn bên ngoài (như ngân hàng, hải quan, thương mại điện tử) để cải thiện độ chính xác của hệ thống đánh giá rủi ro.

Phát triển các mô hình học máy tiên tiến nhằm nâng cao khả năng phát hiện gian lận thuế.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CQ: Cơ quan
KTNN: Kiểm toán Nhà nước
NSĐP: Ngân sách địa phương
NSNN: Ngân sách nhà nước
OECD: Organisation for Economic Co-operation and Development - Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế

SAV: State Audit Office of Vietnam - Kiểm toán Nhà nước Việt Nam

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Các tác giả xin cam đoan rằng không có bất kì xung đột lợi ích nào trong công bố bài báo.

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

- Tác giả Nguyễn Thị Thu Hiền chịu trách nhiệm nội dung: ứng dụng khai phá dữ liệu để phân loại đối tượng nộp thuế dựa trên rủi ro và viết báo cáo nghiên cứu.

- Tác giả Đặng Anh Tuấn chịu trách nhiệm nội dung: tiếp cận kiểm toán dựa trên rủi ro, gồm đề xuất khung phân tích và phương pháp luận và viết báo cáo nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vellutini C. Key Principles of Risk-Based Audits. and others, editor; 2011.
2. E O. Compliance risk management: Managing and improving tax compliance. In Forum on Tax Administration, Centre for Tax Policy and Administration. 2004;Available from: https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/topics/policy-issues/taxadministration/compliance-risk-management-managing-and-improving-tax-compliance.pdf.
3. Gupta M, Nagadevara V, Foundations of Risk-Based Audits Proceedings of the eleventh International Conference on e-Governance, Hyderabad, India, December. Audit selection strategy for improving tax compliance: application of data mining techniques; 2007. p. 28–30. Available from: https://citeseerx.ist.psu.edu/document?repid=rep1&type=pdf&doi=7dcc57ec09eb16f1ff23a517ac4ef79b45d7554f.
4. OECD. Tax Administration 2024: Comparative Information on OECD and other Advanced and Emerging Economies. Paris: OECD Publishing; 2024. Available from: https://doi.org/10.1787/2d5fba9c-en.
5. for Economic Co-operation O, Development. Tax policy reform and economic growth. OECD Publishing; 2010.
6. Ramezani SM, Dastgir M, Asgari A. Risk-Based Tax Audit and its Determinants by Emphasizing on Taxpayers Size and other Countries Experience. Journal of Tax Research. 2013;21(18):77–114. Available from: http://taxjournal.ir/article-1-31-en.html.
7. Ebrahim A, Kisanga E, Swema E, Leyaro V, Mhede EP, Mdee E, et al. The effects of a risk-based approach to tax examinations: evidence from a tax pilot programme in Tanzania. International Tax and Public Finance. 2024;3:1–21. Available from: http://dx.doi.org/10.1007/s10797-024-09858-5.
8. Belnap A, Hoopes JL, Maydew EL, Turk A. Real effects of tax audits. Review of Accounting Studies. 2024;29(1):665–700. Available from: https://doi.org/10.1007/s11142-022-09717-w.
9. Irawan F, Utama AS. THE IMPACT OF TAX AUDIT AND CORRUPTION PERCEPTION ON TAX EVASION. International Journal of Business & Society. 2021;22(3):1158–73. Available from: https://doi.org/10.33736/ijbs.4290.2021.
10. Dejlani J, Shorvarzi MR, Abadi AM, Mehrazin A. Review of the Tax Audit Framework in the National Tax Administration. Business, Marketing, and Finance Open. 2024;1(6):75–85. Available from: https://doi.org/10.61838/bmfopen.1.6.7.
11. Maulana F, Devano S, Harahap DY. The Influence of Implementation of Risk-Based Audit and Utilization of Information Technology on Tax Audit Quality. JASa (Jurnal Akuntansi, Audit dan Sistem Informasi Akuntansi). 2024;8(2):318–331. Available from: https://doi.org/10.36555/jasa.v8i2.2493.
12. Rahayu SK. Utilization of artificial intelligence in tax audit in Indonesia. Management and Accounting Review (MAR). 2021;20(3):135–157. Available from: https://doi.org/10.24191/MAR.V20i03-06.
13. Alsadhan N. A Multi-Module Machine Learning Approach to Detect Tax Fraud. Computer Systems Science and Engineering. 2023;46(1):241–53. Available from: https://doi.org/10.32604/csse.2023.033375.
14. De Roux D, Perez B, Moreno A, Villamil MD, Figueroa C. Tax fraud detection for under-reporting declarations using an unsupervised machine learning approach. In: and others, editor. In Proceedings of the 24th ACM SIGKDD International Conference on Knowledge Discovery & Data Mining; 2018. p. 215–222. Available from: https://doi.org/10.1145/3219819.3219878.
15. Baghdasaryan V, Davtyan H, Sarikyan A, Navasardyan Z. Improving tax audit efficiency using machine learning: the role of taxpayer's network data in fraud detection. Applied Artificial Intelligence. 2022;36(1):2012002. Available from: https://doi.org/10.1080/08839514.2021.2012002.
16. Denzin NK. The research act: A theoretical introduction to sociological methods. Routledge. 1st Edition, et al., editors; 2017. Available from: https://doi.org/10.4324/9781315134543.
17. Patton MQ. Enhancing the quality and credibility of qualitative analysis. Health Services Research. 1999;34(5 Pt 2):1189–208. Available from: https://pmc.ncbi.nlm.nih.gov/articles/PMC1089059.

VNUHCM Journal of Economics, Business and Law 2026, 10(1):6316-6324

Research article

Open Access Full Text Article

Risk-based tax audit: Evidence on relevance, effectiveness, and efficiency

Nguyen Thi Thu Hien, Dang Anh Tuan*

Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

Tax auditing in the public sector plays a crucial role in enhancing the transparency and accountability of tax authorities through tax administration based on taxpayer risk assessment. Tax data are typically large-scale and complex, making traditional inspection, investigation, and auditing activities less effective in preventing or mitigating tax fraud. The adoption of a risk-based tax inspection and audit approach is considered an optimal solution, aligning with the global trend of shifting from coercive enforcement toward encouraging voluntary tax compliance. The objective of this study is to evaluate the appropriateness, effectiveness, and efficiency of tax authorities' risk-based tax inspection practices. The research data comprise tax inspection and audit results from 2022 to 2024, along with audit reports issued by the State Audit Office (SAV). The analytical strategy employed in this study is inductive analysis combined with triangulation validation. The research findings indicate that the selection of taxpayers for audit based on tax authorities' risk assessments does not adequately align with the actual risks posed by taxpayers. Furthermore, the effectiveness of tax authority inspections remains insufficient, and the overall efficiency is low. These results highlight the need for a comprehensive tax risk assessment system reform. Such reform should involve integrating cross-sectoral and multidimensional data, reducing the reliance on annual quotas to select taxpayers for inspection, and establishing independent feedback audit mechanisms. Together, these measures would significantly enhance the appropriateness, effectiveness, and efficiency of tax administration activities, thereby ensuring greater transparency and fairness within the tax system. This study offers critical insights that can support policymakers in enhancing risk-based tax audit frameworks, thereby strengthening tax governance and contributing to the sustainable development of public financial management.

Key words: Tax compliance, Risk assessment, Tax fraud, Audit

School of Finance and Accounting, Industrial University of Ho Chi Minh City, Vietnam

Correspondence

Dang Anh Tuan, School of Finance and Accounting, Industrial University of Ho Chi Minh City, Vietnam

Email: anhtuancpa@gmail.com

History

- Received: 03-02-2025
- Revised: 02-06-2025
- Accepted: 13-10-2025
- Published Online: 04-02-2026

DOI :

https://doi.org/10.32508/stdjelm.v10i1.1564

Check for updates

Copyright

© VNUHCM Journal. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

Cite this article : Thu Hien N T, Anh Tuan D. **Risk-based tax audit: Evidence on relevance, effectiveness, and efficiency**. *VNUHCM J. Econ. Bus. Law.* 2026; 10(1):6316-6324.